| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CAM LỘ**<br>**TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **02**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17 – 3 - 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quang

Bà Hồ Thị Hải Thanh

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thu Hằng – Thư ký Tòa án

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ tham gia phiên tòa***: bà Võ Thị Hương Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Lê Thị Ánh N, sinh năm 1994, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: anh Mai Chiếm L, sinh năm 1993; vắng mặt lần thứ hai.

Cùng địa chỉ: thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện ngày 16 tháng 9 năm 2024, nguyên đơn chị Lê Thị Ánh N trình bày:*

Chị Lê Thị Ánh N và anh Mai Chiếm L kết hôn vào năm 2019, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, công việc, tài chính của gia đình nên thường xuyên cải vã, xích mích. Từ năm 2022, vợ chồng đã sống ly thân, hiện không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Chiếm L. Về con chung: có 01 con chung, cháu Mai Thành H, sinh ngày 07/01/2020. Ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án anh M Chiếm Lương không có ý kiến bằng văn bản và vắng mặt tất cả các buổi làm việc tại Tòa án.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ phát biểu ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử của Thẩm phán, Thư ký và của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn:* nguyên đơn chấp hành đúng các quy định; bị đơn không có mặt là không chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Quan điểm về nội dung vụ án:* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

+ Về hôn nhân: xử cho chị Lê Thị Ánh N ly hôn với anh Mai Chiếm L.

+ Về nuôi con chung: giao cháu Mai Thành H, sinh ngày 07/01/2020 cho chị Lê Thị Ánh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Mai Chiếm L không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: chị Lê Thị Ánh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Lê Thị Ánh N khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Mai Chiếm L. Bị đơn anh Mai Chiếm L có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Quảng Trị. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ. Tại phiên tòa, nguyên đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, kết quả xác minh của Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Lê Thị Ánh N và anh M Chiếm Lương đăng ký kết hôn vào năm 2020, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Quá trình vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về tính

cách, công việc và cả tài chính gia đình. Năm 2022, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mẫu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Lê Thị Ánh N ly hôn với anh Mai Chiếm L.

[3] Về con chung có 01 con: Mai Thành H, sinh ngày 07/01/2020. Hội đồng xét xử xét thấy chị N có công việc, thu nhập ổn định, có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con, mặt khác cháu H từ trước đến nay đều đang được chị N chăm sóc nên để đảm bảo tính ổn định cũng như quyền lợi về mọi mặt cho cháu H, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu cháu Mai Thành H, sinh ngày 07/01/2020 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: do chị N không yêu cầu nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về án phí: căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc chị Lê Thị Ánh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về hôn nhân: chị Lê Thị Ánh N ly hôn anh Mai Chiếm L.

- Về nuôi con chung: giao cháu Mai Thành H, sinh ngày 07/01/2020, cho chị Lê Thị Ánh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; anh Mai Chiếm L không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị Ánh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/2023/0000151 ngày 09/10/2024 của Chi cục THADS huyện C. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- UBND xã Cam Hiếu;
- Đương sự;
- Dán án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Quý**